



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017



3
4
5
6

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là vào ngày 2 tháng 8 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Công Thắng

Chủ tịch

(từ ngày 23 tháng 6 năm 2017)

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang

Thành viên

(từ ngày 23 tháng 6 năm 2017)

Chủ tịch

(đến ngày 23 tháng 6 năm 2017)

Ông Hồ Hùng Anh

Thành viên

Bà Nguyễn Hoàng Yến

Thành viên

Ông Nguyễn Thiệu Quang

Thành viên

Ông Seokhee Won

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Seokhee Won

Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Hoàng Yến

Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Hồng Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Đình Toại

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Trung Thành

Phó Tổng Giám đốc

(đến ngày 15 tháng 2 năm 2017)

Ông Nguyễn Anh Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Bà Đinh Kim Nhung

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Seokhee Won
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ Soát xét 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên


Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo Soát xét số: 17-01-254/1




Chông Kwang Puay
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0864-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		5.551.949.675.823	11.519.694.860.637
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	3.630.943.915.345	6.914.244.921.330
Tiền	111		91.160.182.012	113.124.921.330
Các khoản tương đương tiền	112		3.539.783.733.333	6.801.120.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		555.100.000.000	1.732.948.841.175
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	555.100.000.000	1.732.948.841.175
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		372.127.017.876	2.121.205.426.935
Phải thu của khách hàng	131	10	199.214.247.050	232.759.444.755
Trả trước cho người bán	132		90.497.854.454	61.482.083.206
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	-	1.663.716.876.592
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	82.491.815.285	164.464.049.739
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	13	(76.898.913)	(1.217.027.357)
Hàng tồn kho	140	14	955.034.501.484	715.921.028.319
Hàng tồn kho	141		961.185.965.507	729.024.288.790
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.151.464.023)	(13.103.260.471)
Tài sản ngắn hạn khác	150		38.744.241.118	35.374.642.878
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.739.780.186	19.718.137.599
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24.004.460.932	15.656.505.279

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		9.721.074.311.625	5.858.131.385.763
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.005.620.104.891	24.757.902.339
Phải thu về cho vay dài hạn	215	11	3.806.716.876.592	-
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	198.903.228.299	24.757.902.339
Tài sản cố định	220		4.372.347.956.198	4.444.692.083.576
Tài sản cố định hữu hình	221	15	3.129.838.902.348	3.132.110.361.000
<i>Nguyên giá</i>	222		4.896.293.625.815	4.694.881.086.995
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.766.454.723.467)	(1.562.770.725.995)
Tài sản cố định vô hình	227	16	1.242.509.053.850	1.312.581.722.576
<i>Nguyên giá</i>	228		2.102.760.656.155	2.102.498.034.268
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(860.251.602.305)	(789.916.311.692)
Tài sản dở dang dài hạn	240		348.620.238.343	371.351.502.339
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	348.620.238.343	371.351.502.339
Đầu tư tài chính dài hạn	250		249.391.858.906	249.391.858.906
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	9(b)	249.391.858.906	249.391.858.906
Tài sản dài hạn khác	260		745.094.153.287	767.938.038.603
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	191.479.188.346	193.229.086.523
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	163.479.082.475	150.172.693.140
Lợi thế thương mại	269	20	390.135.882.466	424.536.258.940
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		15.273.023.987.448	17.377.826.246.400

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

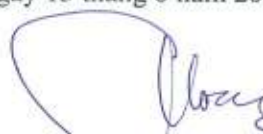
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.055.501.823.736	5.449.387.898.339
Nợ ngắn hạn	310		4.657.783.823.379	4.942.371.387.944
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	683.333.806.666	708.987.463.602
Người mua trả tiền trước	312		38.828.512.933	18.887.115.066
Thuế phải nộp Nhà nước	313	22	171.514.290.871	312.750.964.401
Phải trả người lao động	314		37.403.622	4.383.144.705
Chi phí phải trả	315	23	833.093.069.934	958.703.296.344
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	56.078.191.177	27.461.089.550
Vay ngắn hạn	320	25(a)	2.851.674.621.437	2.887.958.787.537
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.223.926.739	23.239.526.739
Nợ dài hạn	330		397.718.000.357	507.016.510.395
Phải trả người bán dài hạn	331	21	78.525.018.000	88.334.503.000
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	19.731.317.625	22.360.630.839
Vay dài hạn	338	25(b)	123.426.410.346	209.856.177.246
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	167.424.210.136	177.354.781.060
Dự phòng phải trả dài hạn	342		8.611.044.250	9.110.418.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		10.217.522.163.712	11.928.438.348.061
Vốn chủ sở hữu	410	26	10.217.522.163.712	11.928.438.348.061
Vốn cổ phần	411	27	5.381.601.170.000	5.381.601.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.381.601.170.000	5.381.601.170.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	27	5.088.056.394.992	5.088.056.394.992
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(265.775.657.006)	(265.775.657.006)
Cổ phiếu quỹ	415	27	(1.640.252.631.255)	(1.640.252.631.255)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		1.035.858.356	(2.253.725.216)
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.731.972.844	22.731.972.844
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		711.983.285.796	2.434.650.312.379
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		93.929.785.879	326.210.121.712
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		618.053.499.917	2.108.440.190.667
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		918.141.769.985	909.680.511.323
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		15.273.023.987.448	17.377.826.246.400

Người lập:



Huỳnh Việt Thăng
Kế toán Trưởng

Ngày 15 tháng 8 năm 2017



Phạm Đình Toại
Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt



Seokhee Won
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	5.586.471.508.131	5.907.282.346.836
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	124.107.244.977	103.741.272.218
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	30	5.462.364.263.154	5.803.541.074.618
Giá vốn hàng bán	11	31	3.039.121.471.356	3.313.772.680.123
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.423.242.791.798	2.489.768.394.495
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	209.244.670.649	272.953.596.471
Chi phí tài chính	22	33	56.337.661.145	54.628.104.624
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		54.163.803.973	53.699.054.660
Phần lãi trong một công ty liên kết	24		5.318.434.000	3.456.901.037
Chi phí bán hàng	25	34	1.492.266.429.523	1.202.478.325.474
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	378.118.592.118	410.157.832.577
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		711.083.213.661	1.098.914.629.328
Thu nhập khác	31		897.274.849	2.623.498.560
Chi phí khác	32		1.242.928.714	3.522.425.555
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(345.653.865)	(898.926.995)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		710.737.559.796	1.098.015.702.333
Chi phí thuế TNDN – hiện hành	51	36	107.459.768.200	160.159.629.556
Lợi ích thuế TNDN – hoãn lại	52	36	(23.236.960.259)	(27.062.366.104)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		626.514.751.855	964.918.438.881

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang từ trang trước sang)	60		626.514.751.855	964.918.438.881
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		618.053.499.917	962.560.615.361
Cổ đông không kiểm soát	62		8.461.251.938	2.357.823.520
<hr/>				
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	1.188	1.861
<hr/>				

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

 Người lập:


Huỳnh Việt Thăng
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Phạm Đình Toại
 Quyền Giám đốc Tài chính



Seokhee Won
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	710.737.559.796	1.098.015.702.333
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	327.652.248.664	329.998.505.606
Các khoản dự phòng	03	8.626.788.559	23.024.080.450
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.295.433.330	(287.786.363)
Lỗ từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	05	292.951.794	2.837.953.195
Thu nhập lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(208.010.584.436)	(269.553.537.619)
Lợi nhuận được chia từ một công ty liên kết	05	(5.318.434.000)	(3.456.901.037)
Chi phí lãi vay	06	54.163.803.973	53.699.054.660
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	889.439.767.680	1.234.277.071.225
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(20.133.559.713)	63.146.327.670
Biến động hàng tồn kho	10	(248.263.135.724)	(272.478.465.856)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(190.703.893.937)	(241.519.711.647)
Biến động chi phí trả trước	12	21.807.606.159	9.090.959.420
		452.146.784.465	792.516.180.812
Tiền lãi vay đã trả	14	(56.572.722.899)	(53.420.010.303)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(156.820.459.562)	(212.651.725.987)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.600.000)	(11.907.883.276)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	238.738.002.004	514.536.561.246

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(259.399.456.295)	(239.038.929.273)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22	848.823.767	2.917.160.275
Tiền chi cho vay	23	(3.330.405.000.000)	(3.131.978.712.592)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	-	6.729.614.068.000
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(2.029.018.000.000)	(19.892.800.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24	3.206.866.841.175	16.822.300.000.000
Tiền chi mua lại cổ đông không kiểm soát trong các công ty con	25	-	(392.281.424.762)
Mua một công ty con, đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua	25	-	(11.555.624.763)
Tiền thu cổ tức trước ngày mua nhận được từ một công ty liên kết	26	-	5.320.434.000
Tiền thu lãi	27	159.391.138.230	547.675.203.998
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(2.251.715.653.123)	440.172.174.883
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	30.000.000.000
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	3.514.014.878.605	4.173.670.916.203
Tiền trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(3.636.728.811.605)	(4.661.189.419.097)
Tiền chi trả cổ tức	36	(1.150.886.772.700)	(999.057.130.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(1.273.600.705.700)	(1.456.575.633.294)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.286.578.356.819)	(501.866.897.165)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	6.914.244.921.330	3.366.663.621.920
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(12.239.462)	350.416.841
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	61	3.289.590.296	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	3.630.943.915.345	2.865.147.141.596

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

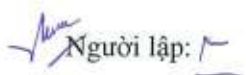
CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
30/6/2017	30/6/2016
VND	VND

Cần trừ cổ tức phải trả với các khoản cho vay phải thu từ công ty mẹ

1.187.405.000.000	1.889.261.836.000
-------------------	-------------------

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập: 


Huỳnh Việt Thăng
Kế toán Trưởng

Người duyệt: 


Phạm Đình Toại
Quyền Giám đốc Tài chính


Seokhee Won
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn và nước khoáng; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại và hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 3 công ty con sở hữu trực tiếp, 13 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2017: 4 công ty con sở hữu trực tiếp, 13 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết). Thông tin về các công ty con và công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 30/6/2017	1/1/2017	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 30/6/2017	1/1/2017
Các công ty con sở hữu trực tiếp						
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, tòa nhà MPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, tòa nhà MPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan ĐN	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Đường số 7, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	-	100%	-	100%
Masan Consumer (Thailand) Limited	Kinh doanh và phân phối	Lầu 4, số 83, Đường Amnuay Songkhram, Tiểu khu Tanon Nakornchaisri, Quận Dusit, Bangkok, Thái Lan	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Các công ty con sở hữu gián tiếp						
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 30/6/2017	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 30/6/2017	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 1/1/2017
Công ty TNHH Một Thành viên (ii) Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất gia vị	Lô III-10, đường số 1, Nhóm Công nghiệp III, Khu công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Ma San PQ (ii)	Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty TNHH Một Thành viên (ii) Masan HD	Sản xuất thực phẩm tiện lợi	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Từ Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên (ii) Masan MB	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cấm, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên (ii) Masan HG	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu Công nghiệp Sông Hậu, xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn (ii)	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi	Lô K4, Đường số 2, Khu công nghiệp Sóng thần 2, phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty TNHH Một Thành viên (ii) Nam Ngư Phú Quốc	Sản xuất gia vị	Tổ, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 30/6/2017	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 30/6/2017	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 1/1/2017
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	(iii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	68,46%	68,46%	68,46%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vinh Hào	(iii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống và bao bì	Thôn Vinh Sơn, Xã Vinh Hào, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	88,56%	88,56%	88,56%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	(iv) Sản xuất đồ uống	Km 37, Xa lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	88,55%	88,55%	99,99%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	(iii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Nhóm 3A, khu 4, Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.	65,68%	65,68%	65,68%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN	(v) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Số 10 Đường Nội Bộ Hưng Gia 2, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	58,19%	58,19%	85%
Một công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	(ii) Sản xuất và kinh doanh gia vị	Lô C40 – 43/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	32,83%	32,83%	32,83%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty TNHH Một Thành viên Masan ĐN (“MDN”) được thành lập vào ngày 12 tháng 9 năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401622417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 7/2017/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 4 năm 2017 đã thông qua và chấp thuận giải thể MDN. Tại ngày phát hành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, quá trình giải thể MDN đã được hoàn thành.
- (ii) Các công ty con này và công ty liên kết được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (“MSF”).
- (iii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (“MSB”).
- (iv) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.
- (v) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Tất cả các công ty con còn lại và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 4.362 nhân viên (1/1/2017: 4.625 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu từ hoặc chi cho giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 202”), các chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã căn nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 - *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 - *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được mua được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả của việc áp dụng Thông tư 202, những chênh lệch này được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho giai đoạn từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(vii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của đơn vị bị mua được hợp nhất sử dụng giá trị hợp lý. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn để đổi quyền kiểm soát đơn vị bị mua tại ngày trao đổi và các chi phí giao dịch. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và lợi ích của Tập đoàn trong phần giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và khoản nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như phí dịch vụ chuyên môn trả cho kế toán, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí khi phát sinh.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn. Lỗ lũy kế được tính toán từ lỗ thuần đã được quy đổi. Doanh thu, thu nhập, chi phí và báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong kỳ của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	4 - 30 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 - 5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 19 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 4 đến 10 năm.

(iii) Quyền khai thác

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 8 đến 30 năm.

(iv) Thương hiệu

Giá mua thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Giá trị hợp lý của thương hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là một tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 10 đến 20 năm. Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Quan hệ khách hàng

Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 5 đến 15 năm.

(vi) Tài nguyên nước khoáng

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 10 đến 37 năm.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ là 42 đến 50 năm.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

(n) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông không kiểm soát mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 1 năm 2015 được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu phổ thông đã phát hành được mua lại, khoản tiền đã trả để mua lại bao gồm chi phí liên quan trực tiếp, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ thuộc vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra cho mục đích tái phát hành, giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa khoản tiền nhận được và giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí đi vay từ các ngân hàng và các chi phí liên quan và lỗ chênh lệch tỷ giá.

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Lãi và lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản lãi tiền gửi liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập phát sinh liên quan, các khoản vay và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào một bộ phận.

(u) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

4. Hoạt động kinh doanh theo thời vụ

Tổng doanh thu của Tập đoàn thường tăng trong quý 4 hàng năm vì các nhà phân phối chuẩn bị cho sự gia tăng nhu cầu tiêu dùng trong những tháng trước dịp Tết Nguyên đán diễn ra vào quý đầu hàng năm. Theo đó, Tập đoàn thường tăng cường sản xuất các sản phẩm gia vị, thực phẩm tiện lợi và đồ uống không cồn cũng như tăng cường quảng cáo và khuyến mãi trong quý 4 hàng năm để thúc đẩy bán hàng trong thời gian dẫn đến mùa lễ hội.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán so với các ước tính được lập cho báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất hay các ước tính được lập cho báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ gần nhất.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn phân loại các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn thành bốn bộ phận kinh doanh chính là gia vị, thực phẩm tiện lợi, đồ uống và các bộ phận kinh doanh khác. Các bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê nhà kho và khác.

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Gia vị VND	Thực phẩm tiện lợi (*) VND	Đồ uống (*) VND	Khác VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	2.194.583.316.404	1.555.889.450.786	1.707.409.713.847	4.481.782.117	5.462.364.263.154
Lợi nhuận gộp của bộ phận	1.121.807.275.202	598.741.872.422	699.193.996.029	3.499.648.145	2.423.242.791.798
Kết quả kinh doanh của bộ phận	637.076.992.143	120.991.714.522	(18.231.517.667)	3.499.648.145	743.336.837.143
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					185.160.632.986
Doanh thu hoạt động tài chính					209.244.670.649
Chi phí tài chính					56.337.661.145
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					711.083.213.661
Thu nhập khác					897.274.849
Chi phí khác					1.242.928.714
Chi phí thuế TNDN					84.222.807.941
Lợi nhuận sau thuế TNDN					626.514.751.855

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Gia vị VND	Thực phẩm tiện lợi (*) VND	Đồ uống (*) VND	Khác VND	Hợp nhất VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	2.356.378.465.585	1.823.272.152.420	1.615.540.306.541	8.350.150.072	5.803.541.074.618
Lợi nhuận gộp của bộ phận	1.265.011.934.815	638.434.176.561	578.345.867.372	7.976.415.747	2.489.768.394.495
Kết quả kinh doanh của bộ phận	882.082.777.353	220.365.074.783	(4.763.506.333)	7.976.415.747	1.105.660.761.550
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					225.071.624.069
Doanh thu hoạt động tài chính					272.953.596.471
Chi phí tài chính					54.628.104.624
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					1.098.914.629.328
Thu nhập khác					2.623.498.560
Chi phí khác					3.522.425.555
Chi phí thuế TNDN					133.097.263.452
Lợi nhuận sau thuế TNDN					964.918.438.881

Kết quả kinh doanh của bộ phận là doanh thu thuần của bộ phận trừ giá vốn hàng bán của bộ phận, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trực tiếp thuộc về bộ phận đó và chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp gián tiếp được phân bổ dựa trên cơ sở hợp lý.

Chi phí không phân bổ là chi phí quản lý doanh nghiệp mà Ban Giám đốc Công ty tin rằng không thể phân bổ các chi phí này một cách hợp lý cho từng bộ phận. Những chi phí này phát sinh ở cấp độ Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm 2016 và năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(*) Kết quả kinh doanh của bộ phận Thực phẩm tiện lợi và Đồ uống bao gồm khấu hao lợi thế thương mại với số tiền là 34.400 triệu VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016: 33.268 triệu VND), khấu hao tài sản cố định vô hình phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 49.690 triệu VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016: 72.246 triệu VND) và khấu hao giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định hữu hình phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 11.004 triệu VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016: 12.297 triệu VND) trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	Gia vị VND	Thực phẩm tiện lợi VND	Đồ uống VND	Hợp nhất VND
Tài sản bộ phận	2.067.759.666.274	1.299.879.119.537	2.778.488.421.533	6.146.127.207.344
Tài sản không phân bổ				9.126.896.780.104
Tổng tài sản				15.273.023.987.448
Nợ phải trả bộ phận	185.262.380.548	217.500.132.341	724.179.306.087	1.126.941.818.976
Các khoản nợ không phân bổ				3.928.560.004.760
Tổng nợ phải trả				5.055.501.823.736
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017				
Chi tiêu vốn	157.974.171.633	24.971.663.978	21.730.738.050	204.676.573.661
Chi tiêu vốn không phân bổ				37.478.996.517
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	91.735.942.094	53.251.791.575	70.024.418.581	215.012.152.250
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ				7.138.652.312
Khấu hao tài sản cố định vô hình, lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	2.412.833.964	8.079.480.264	89.056.165.163	99.548.479.391
Khấu hao tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước dài hạn không phân bổ				27.491.906.994

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Gia vị VND	Thực phẩm tiện lợi VND	Đồ uống VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017				
Tài sản bộ phận	1.875.082.609.128	1.356.020.120.800	2.783.135.920.430	6.014.238.650.358
Tài sản không phân bổ				11.363.587.596.042
Tổng tài sản				17.377.826.246.400
Nợ phải trả bộ phận	181.934.564.179	170.732.625.606	702.777.024.481	1.055.444.214.266
Các khoản nợ không phân bổ				4.393.943.684.073
Tổng nợ phải trả				5.449.387.898.339
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016				
Chi tiêu vốn	42.394.811.479	9.566.664.775	56.106.973.348	108.068.449.602
Chi tiêu vốn không phân bổ				194.148.570.664
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	77.370.779.966	53.564.485.859	58.835.508.867	189.770.774.692
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ				13.957.686.045
Khấu hao tài sản cố định vô hình, lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	3.076.897.769	10.730.706.060	107.894.454.311	121.702.058.140
Khấu hao tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước dài hạn không phân bổ				22.870.931.317

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết các tài sản không phân bổ và các khoản nợ không phân bổ như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.630.943.915.345	6.914.244.921.330
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	555.100.000.000	1.732.948.841.175
Các khoản phải thu ngắn hạn thuần	255.190.627.546	2.029.920.765.380
Hàng tồn kho	129.345.173.839	103.734.755.658
Tài sản ngắn hạn khác	7.652.324.057	11.967.257.413
Các khoản phải thu dài hạn	4.005.620.104.891	24.757.902.339
Tài sản cố định	255.945.510.626	278.110.907.616
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30.497.262.249	22.495.594.849
Tài sản dài hạn khác	256.601.861.551	245.406.650.282
Tài sản không phân bổ	9.126.896.780.104	11.363.587.596.042
Phải trả người bán ngắn hạn	46.341.709.781	155.692.783.011
Người mua trả tiền trước	18.759.999.550	9.862.385.864
Thuế phải nộp Nhà nước	147.300.770.907	266.538.737.389
Phải trả người lao động	13.583.173	14.847.747
Chi phí phải trả	528.128.668.431	664.106.554.350
Phải trả ngắn hạn khác	45.047.441.024	20.934.183.491
Vay ngắn hạn	2.851.674.621.437	2.887.958.787.537
Phải trả dài hạn khác	442.589.975	1.624.446.378
Vay dài hạn	123.426.410.346	209.856.177.246
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	167.424.210.136	177.354.781.060
Các khoản nợ không phân bổ	3.928.560.004.760	4.393.943.684.073

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam và Thái Lan. Hoạt động kinh doanh tại Thái Lan hiện tại không trọng yếu đối với Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	727.115.901	2.064.520.061
Tiền gửi ngân hàng	90.433.066.111	111.060.401.269
Các khoản tương đương tiền	3.539.783.733.333	6.801.120.000.000
	3.630.943.915.345	6.914.244.921.330

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	555.100.000.000	1.732.948.841.175
	555.100.000.000	1.732.948.841.175

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào một công ty liên kết

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và % quyền biểu quyết
Đầu tư vào công ty liên kết:				
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	2.659.217	32,83%	2.659.217	32,83%
				Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
				249.391.858.906

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Trong kỳ, Tập đoàn không có giao dịch trọng yếu nào với Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (“CLX”). Xem thêm Thuyết minh 1(d) trình bày về hoạt động chính của CLX.

Biến động giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết của Tập đoàn trong kỳ như sau:

	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex VND
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm đầu kỳ	249.391.858.906
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày mua từ công ty liên kết trong kỳ	5.318.434.000
Có tức phải thu từ công ty liên kết liên quan đến giai đoạn sau ngày mua	(5.318.434.000)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm cuối kỳ	249.391.858.906

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các bên liên quan khác		
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	-	5.644.586
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	32.311.187.473	31.752.716.796
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	3.985.214.192	3.833.035.010
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	2.047.484.783	-
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	880.413.612	-
	-	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 – 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Phải thu về cho vay

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu về cho vay từ một công ty liên quan		
▪ Ngắn hạn	-	1.663.716.876.592
▪ Dài hạn	3.806.716.876.592	-
	3.806.716.876.592	-

Phải thu về cho vay dài hạn không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm 6,5% tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Các khoản vay này đáo hạn sau 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi được thu vào ngày đáo hạn của hợp đồng vay.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan		
▪ Cổ tức phải thu từ công ty liên kết	5.318.434.000	-
▪ Lãi dự thu (*)	-	114.905.802.559
▪ Phải thu khác (**)	50.380.756.626	11.546.396.400
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	11.758.771.279	26.870.375.441
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	8.543.261.910	3.932.192.910
Phải thu khác	6.490.591.470	7.209.282.429
	82.491.815.285	164.464.049.739

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Lãi dự thu từ một bên liên quan (*)	178.636.852.927	-
Các khoản ký quỹ dài hạn	20.266.375.372	24.757.902.339
	198.903.228.299	24.757.902.339

(*) Khoản phải thu này liên quan đến thu nhập lãi phải thu từ khoản vay Công ty cấp cho một bên liên quan. Xem thêm Thuyết minh 11 và 38 để biết thêm thông tin.

(**) Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Dự phòng phải thu khó đòi

Số ngày quá hạn	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND
0 – 30 ngày	50.251.234.376	-	50.251.234.376	43.712.307.539
31 – 180 ngày	21.336.325.899	-	21.336.325.899	562.712.024
181 – 365 ngày	4.746.299	-	4.746.299	(4.553.821)
Trên 365 ngày	102.362.077	(76.898.913)	25.463.164	(1.212.473.536)
	71.694.668.651	(76.898.913)	71.617.769.738	(1.217.027.357)
Dự phòng phải thu khó đòi		(76.898.913)		(1.217.027.357)
Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:				
				Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
Số dư đầu kỳ				30/6/2017
Sử dụng dự phòng trong kỳ				VND
Hoàn nhập				1.217.027.357
				(1.116.628.444)
				(23.500.000)
Số dư cuối kỳ				805.801.581
				(48.032.644)
				76.898.913
				757.768.937

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	27.799.533.235	-	23.020.158.807	-
Nguyên vật liệu	539.344.139.184	(3.893.481.113)	350.142.495.576	(9.590.373.377)
Công cụ và dụng cụ	78.155.220.072	-	71.745.888.578	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	72.441.945.062	-	67.061.968.283	-
Thành phẩm	237.469.721.116	(2.257.650.702)	212.346.462.681	(3.512.887.094)
Hàng hóa	5.975.406.838	(332.208)	4.707.314.865	-
	961.185.965.507	(6.151.464.023)	729.024.288.790	(13.103.260.471)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	13.103.260.471	16.622.900.983
Tăng dự phòng trong kỳ	9.920.965.801	27.514.490.401
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(16.101.459.007)	(19.358.418.148)
Hoàn nhập dự phòng	(771.303.242)	(4.300.746.182)
Số dư cuối kỳ	6.151.464.023	20.478.227.054

Bao gồm trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 6.151 triệu VND (1/1/2017: 13.103 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	1.324.954.035.367	62.791.110.984	63.408.917.510	3.211.564.534.175	32.162.488.959	4.694.881.086.995
Tăng trong kỳ	221.314.858	-	73.015.454	842.828.000	75.821.200	1.212.979.512
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản đờ dang	57.293.182.698	-	1.473.068.000	160.815.397.496	185.000.000	219.766.648.194
Thanh lý	(1.527.366.870)	-	(335.304.545)	(8.781.822.987)	(3.730.082.616)	(14.374.577.018)
Xóa sổ	(2.357.977.674)	-	(2.635.915.146)	(198.619.048)	-	(5.192.511.868)
Số dư cuối kỳ	1.378.583.188.379	62.791.110.984	61.983.781.273	3.364.242.317.636	28.693.227.543	4.896.293.625.815
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	234.785.355.878	19.484.246.535	32.794.245.843	1.258.023.912.009	17.682.965.730	1.562.770.725.995
Khấu hao trong kỳ	37.169.835.919	5.225.854.540	3.924.270.505	173.762.624.382	2.068.219.216	222.150.804.562
Thanh lý	(1.515.537.341)	-	(323.092.827)	(8.004.074.110)	(3.438.124.286)	(13.280.828.564)
Xóa sổ	(2.357.977.674)	-	(2.629.381.804)	(198.619.048)	-	(5.185.978.526)
Số dư cuối kỳ	268.081.676.782	24.710.101.075	33.766.041.717	1.423.583.843.233	16.313.060.660	1.766.454.723.467
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	1.090.168.679.489	43.306.864.449	30.614.671.667	1.953.540.622.166	14.479.523.229	3.132.110.361.000
Số dư cuối kỳ	1.110.501.511.597	38.081.009.909	28.217.739.556	1.940.658.474.403	12.380.166.883	3.129.838.902.348

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản cố nguyên giá là 357.809 triệu VND, đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 303.992 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn và công ty mẹ.

Giá trị còn lại của một số thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn là 23.943 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 11.261 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Quyền khai thác VND	Thương hiệu VND	Quan hệ khách hàng VND	Nguồn nước khoáng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	119.085.818.402	290.444.510.787	117.800.213.296	758.354.816.571	404.114.911.701	412.697.763.511	2.102.498.034.268
Tăng trong kỳ	-	1.069.892.667	-	-	-	-	1.069.892.667
Xóa sổ	-	(807.270.780)	-	-	-	-	(807.270.780)
Số dư cuối kỳ	119.085.818.402	290.707.132.674	117.800.213.296	758.354.816.571	404.114.911.701	412.697.763.511	2.102.760.656.155
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	26.068.492.542	63.380.703.674	7.817.687.894	318.335.873.925	344.785.103.101	29.528.450.556	789.916.311.692
Khấu hao trong kỳ	1.903.335.438	17.685.270.479	3.029.272.699	33.446.434.254	4.069.420.620	10.967.334.138	71.101.067.628
Xóa sổ	-	(765.777.015)	-	-	-	-	(765.777.015)
Số dư cuối kỳ	27.971.827.980	80.300.197.138	10.846.960.593	351.782.308.179	348.854.523.721	40.495.784.694	860.251.602.305
Giá trị còn lại							
Số dư đầu kỳ	93.017.325.860	227.063.807.113	109.982.525.402	440.018.942.646	59.329.808.600	383.169.312.955	1.312.581.722.576
Số dư cuối kỳ	91.113.990.422	210.406.935.536	106.953.252.703	406.572.508.392	55.260.387.980	372.201.978.817	1.242.509.053.850

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 12.193 triệu VND, đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 12.270 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	371.351.502.339
Tăng trong kỳ	212.481.592.669
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(219.766.648.194)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(15.446.208.471)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	348.620.238.343

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Nhà cửa	40.375.098.694	62.320.901.859
Máy móc và thiết bị	307.335.280.682	307.133.072.485
Phần mềm máy vi tính	904.610.625	197.379.408
Khác	5.248.342	1.700.148.587
	<hr/>	<hr/>
	348.620.238.343	371.351.502.339

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, không có chi phí xây dựng cơ bản dở dang nào của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn và công ty mẹ. Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017, một số chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn và công ty mẹ.

Trong kỳ, không có chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 7.207 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	85.372.636.895	28.209.340.381	79.647.109.247	193.229.086.523
Tăng trong kỳ	-	-	4.344.821.599	4.344.821.599
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.432.979.833	-	13.013.228.638	15.446.208.471
Phân bổ trong kỳ	(1.083.276.651)	(1.567.185.576)	(18.888.480.056)	(21.538.942.283)
Thanh lý	-	-	(33.221.531)	(33.221.531)
Phân loại lại	(4.856.782)	-	4.856.782	-
Chênh lệch quy đổi	-	-	31.235.567	31.235.567
Số dư cuối kỳ	86.717.483.295	26.642.154.805	78.119.550.246	191.479.188.346

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 –DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	30/6/2017		1/1/2017	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi phải trả	110.648.519.021	-	105.248.849.406	-
Chi phí kho vận phải trả	20.968.876.662	-	17.374.503.772	-
Chiết khấu thương mại phải trả	3.982.461.790	-	5.161.030.851	-
Chi phí phải trả khác	20.498.734.411	-	18.846.737.999	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	7.380.490.591	-	3.541.571.112	-
Tài sản cố định hữu hình	-	(3.845.477.406)	-	(5.546.199.648)
Tài sản cố định vô hình	-	(163.578.732.730)	-	(171.808.581.412)
	163.479.082.475	(167.424.210.136)	150.172.693.140	(177.354.781.060)

20. Lợi thế thương mại

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	693.961.414.227
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	269.425.155.287
Khấu hao trong kỳ	34.400.376.474
Số dư cuối kỳ	303.825.531.761
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	424.536.258.940
Số dư cuối kỳ	390.135.882.466

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	683.333.806.666	683.333.806.666	708.987.463.602	708.987.463.602
Dài hạn	78.525.018.000	78.525.018.000	88.334.503.000	88.334.503.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	761.858.824.666	761.858.824.666	797.321.966.602	797.321.966.602

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 –DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	Nộp/hoàn lại VND	Khấu trừ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	142.285.775.265	888.825.479.587	(248.402.261.031)	(735.330.576.206)	47.378.417.615
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.182.119.655	(2.182.119.655)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	165.922.388.261	107.459.768.200	(156.820.459.562)	-	116.561.696.899
Thuế thu nhập cá nhân	3.257.586.774	32.303.789.631	(28.299.643.996)	(1.779.669.318)	5.482.063.091
Các loại thuế khác	1.285.214.101	42.001.854.365	(41.194.955.200)	-	2.092.113.266
	312.750.964.401	1.072.773.011.438	(476.899.439.444)	(737.110.245.524)	171.514.290.871

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 –DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí phải trả

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	433.240.686.241	572.533.158.360
Chi phí kho vận	113.983.589.987	92.335.239.793
Chi phí trưng bày	14.149.933.606	19.595.353.810
Thưởng và lương tháng 13	55.051.307.651	88.970.497.961
Chiết khấu bán hàng	20.575.097.337	29.710.794.483
Chi phí nghiên cứu thị trường	24.678.235.548	16.534.099.796
Chi phí lãi vay	3.378.066.962	5.786.985.888
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14.351.495.434	26.528.811.619
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	53.898.379.241	29.565.152.100
Chi phí công nghệ thông tin	33.648.365.274	17.931.285.060
Chi phí khác	66.137.912.653	59.211.917.474
	833.093.069.934	958.703.296.344

24. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	15.388.795.840	12.599.617.645
Ký quỹ ngắn hạn	4.450.682.955	5.108.373.944
Cổ tức phải trả	5.503.215.800	3.074.462.000
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	28.639.696.500	4.611.749.500
Các khoản phải trả khác	2.095.800.082	2.066.886.461
	56.078.191.177	27.461.089.550

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ký quỹ dài hạn	19.731.317.625	22.360.630.839

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

25. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong kỳ		30/6/2017	
	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.804.302.605.157	2.804.302.605.157	3.514.014.878.605	(3.521.499.044.705)	2.796.818.439.057	2.796.818.439.057
Vay dài hạn đến hạn trả	83.656.182.380	83.656.182.380	27.428.091.190	(56.228.091.190)	54.856.182.380	54.856.182.380
	2.887.958.787.537	2.887.958.787.537	3.541.442.969.795	(3.577.727.135.895)	2.851.674.621.437	2.851.674.621.437

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay ngắn hạn				
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	4,0% - 5,2%	254.484.489.488	453.236.733.465
▪ Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	4,0% - 5,2%	2.542.333.949.569	2.351.065.871.692
			2.796.818.439.057	2.804.302.605.157

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Tập đoàn được bảo lãnh bởi Công ty.

(b) Vay dài hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn	178.282.592.726	293.512.359.626
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(54.856.182.380)	(83.656.182.380)
Hoàn trả sau 12 tháng	123.426.410.346	209.856.177.246

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn					
▪ Khoản vay có đảm bảo	VND	9,0% - 9,3%	2020	178.282.592.726	293.512.359.626

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Tập đoàn được đảm bảo bằng tài sản cố định của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 648.351 triệu VND (1/1/2017: tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ lần lượt là 816.233 triệu VND và 3.306 triệu VND).

Trong kỳ, Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay trên.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, Tập đoàn không có khoản nợ gốc và lãi quá hạn nào.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	5.351.601.170.000	5.088.056.394.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	22.731.972.844	2.984.708.427.270	1.274.377.326.585	12.815.447.003.430
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 27)	30.000.000.000	-	-	-	-	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	962.560.615.361	2.357.823.520	964.918.438.881
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	-	(2.896.096.655.200)	-	(2.896.096.655.200)
Thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị của công ty con	-	-	-	-	-	(984.173.903)	(599.578.097)	(1.583.752.000)
NCI tại ngày mua lại	-	-	-	-	-	-	1.380.686.995	1.380.686.995
Mua thêm cổ phần của các công ty con từ NCI	-	-	-	-	-	(147.403.906.967)	(281.011.181.520)	(428.415.088.487)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	5.381.601.170.000	5.088.056.394.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	22.731.972.844	902.784.306.561	996.505.077.483	10.485.650.633.619

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quý đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCT") VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	5.381.601.170.000	5.088.056.394.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	(2.253.725.216)	22.731.972.844	2.434.650.312.379	909.680.511.323	11.928.438.348.061
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	618.053.499.917	8.461.251.938	626.514.751.855
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	-	(2.340.720.526.500)	-	-	(2.340.720.526.500)
Chênh lệch quy đổi	-	-	-	-	3.289.583.572	-	-	6.724	3.289.590.296
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	5.381.601.170.000	5.088.056.394.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	1.035.858.356	22.731.972.844	711.983.285.796	918.141.769.985	10.217.522.163.712

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	538.160.117	5.381.601.170.000	538.160.117	5.381.601.170.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	1.640.252.631.255	18.000.000	1.640.252.631.255
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	520.160.117	5.201.601.170.000	520.160.117	5.201.601.170.000
Thặng dư vốn cổ phần		5.088.056.394.992		5.088.056.394.992

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần hiện đang lưu hành trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2017		30/6/2016	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu kỳ - hiện đang lưu hành	520.160.117	5.201.601.170.000	517.160.117	5.171.601.170.000
Cổ phiếu đã phát hành trong kỳ	-	-	3.000.000	30.000.000.000
Số dư cuối kỳ - hiện đang lưu hành	520.160.117	5.201.601.170.000	520.160.117	5.201.601.170.000

28. Cổ tức

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường Niên của Công ty vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 2.340.721 triệu VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 2.896.097 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	97.835.089.781	130.627.053.331
Trong vòng 2 đến 5 năm	35.695.335.764	105.726.617.900
	133.530.425.545	236.353.671.231

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	258.223	5.854.005.964	616.066	13.997.015.659
THB	91.617.652	59.643.091.666	97.959.692	60.637.049.233
		65.497.097.630		74.634.064.892

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong các bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	139.872.209.300	260.303.831.552
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	137.438.004.534	125.949.862.404
	277.310.213.834	386.253.693.956

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	5.568.481.371.088	5.887.162.414.069
▪ Doanh thu khác	17.990.137.043	20.119.932.767
	5.586.471.508.131	5.907.282.346.836
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	45.338.417.193	72.095.613.748
▪ Hàng bán bị trả lại	78.768.827.784	31.645.658.470
	124.107.244.977	103.741.272.218
Doanh thu thuần	5.462.364.263.154	5.803.541.074.618

31. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Hàng đã bán	2.993.641.669.566	3.256.454.838.795
▪ Giá vốn khác	36.330.139.231	34.104.097.109
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.149.662.559	23.213.744.219
	3.039.121.471.356	3.313.772.680.123

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng	144.279.534.068	144.280.573.726
Thu nhập lãi từ khoản cho một bên liên quan vay	63.731.050.368	69.961.067.444
Thu nhập lãi từ hoạt động đầu tư cho vay khác	-	55.311.896.449
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.234.086.213	890.637.962
Lãi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh	-	2.509.420.890
	209.244.670.649	272.953.596.471

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	54.163.803.973	53.699.054.660
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.173.857.172	929.049.964
	56.337.661.145	54.628.104.624

34. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.010.786.016.270	737.108.020.353
Chi phí kho vận	253.406.290.954	274.238.580.150
Chi phí nhân viên	123.119.390.904	133.797.503.459
Chi phí trung bày	40.380.640.615	23.340.748.867
Chi phí nghiên cứu thị trường	26.732.861.705	13.589.715.935
Chi phí bán hàng khác	37.841.229.075	20.403.756.710
	1.492.266.429.523	1.202.478.325.474

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	109.201.058.182	119.224.026.894
Phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	60.694.291.926	84.544.333.538
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	54.767.620.412	64.513.018.653
Phân bổ lợi thế thương mại	34.400.376.474	33.268.038.679
Tiền thuê văn phòng	26.226.449.117	25.573.706.402
Chi phí nghiên cứu và phát triển	6.042.149.413	12.718.029.996
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.870.504.988	27.729.813.245
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	54.916.141.606	42.586.865.170
	378.118.592.118	410.157.832.577

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	107.210.853.961	159.798.817.823
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	248.914.239	360.811.733
	107.459.768.200	160.159.629.556
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(17.717.197.926)	(24.655.863.469)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(5.519.762.333)	(2.406.502.635)
	(23.236.960.259)	(27.062.366.104)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	84.222.807.941	133.097.263.452

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	710.737.559.796	1.098.015.702.333
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	142.147.511.959	219.603.140.468
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(82.788.387.547)	(119.922.036.914)
Ảnh hưởng của phần lãi trong công ty liên kết	(1.063.686.800)	(691.380.208)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.575.412.938	1.000.975.110
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	248.914.239	360.811.733
Lỗi tính thuế được sử dụng	(213.273.480)	-
Ảnh hưởng của phân bổ lợi thế thương mại	6.880.075.295	6.653.607.736
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	17.436.241.337	26.092.145.527
	84.222.807.941	133.097.263.452

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% từ năm 2016 trở đi.

Các công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán là 618.053 triệu VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 962.561 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền là 520.160.117 (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 517.308.469), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	618.053.499.917	962.560.615.361

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ – hiện đang lưu hành	520.160.117	517.160.117
Ảnh hưởng của cổ phiếu mới phát hành trong kỳ	-	148.352
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối kỳ – hiện đang lưu hành	520.160.117	517.308.469

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.188	1.861

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ và tại thời điểm cuối kỳ, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu và số dư với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty mẹ					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cho vay	3.330.405.000.000	3.131.978.712.592	3.806.716.876.592	1.663.716.876.592
	Thu hồi khoản cho vay thông qua việc cân trừ với cổ tức phải trả	1.187.405.000.000	1.889.261.836.000	-	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay	63.731.050.368	69.961.067.444	178.636.852.927	114.905.802.559
	Cổ tức đã phân phối	2.270.686.203.000	2.799.261.836.000	-	-
	Trả cổ tức bằng tiền	1.083.281.203.000	910.000.000.000	-	-
Công ty liên kết					
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Cholimex	Cổ tức nhận được trước ngày mua	-	5.320.434.000	-	-
	Cổ tức nhận sau ngày mua	5.318.434.000	-	5.318.434.000	-
Các bên liên quan khác					
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	9.303.950	2.217.000	-	5.644.586
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery Distribution	Mua hàng hóa	1.465.633.227	1.164.839.000	-	-
	Bán hàng hóa	805.500.570	-	850.796.780	-
	Phí hỗ trợ quản lý	22.125.100.397	14.874.957.831	53.585.491.090	31.752.716.796

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày 1/1/2017 VND
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	
Công ty TNHH Một thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa Phí hỗ trợ quản lý Mua hàng Thanh toán hộ phí thuê đất	163.896.227 1.318.174.519 10.000.000 -	1.441.050 1.328.019.948 - -	158.286.439 4.601.277.859 (4.400.000) 11.546.396.400
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	Bán hàng hóa Phí hỗ trợ quản lý	81.527.481 8.917.402.057	- -	- 9.103.537.037
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	Bán hàng hóa Phí hỗ trợ quản lý	163.992.600 9.135.409.067	- -	- 9.215.446.668
Thành viên quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho Thành viên quản lý chủ chốt (*)	13.142.617.617	14.633.166.252	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo thời hạn bình thường.

(*) Không có khoản phí nào phải trả cho thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 2016.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

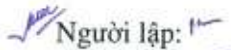
Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, Công ty đã phát hành thành công 4.972.660 cổ phiếu phổ thông bằng mệnh giá cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty (“ESOP”) sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông vào tháng 4 năm 2017. Theo kết quả từ sự kiện này, vốn cổ phần và cổ phiếu phổ thông của Công ty tăng lên lần lượt là 5.431.327.770.000 VND và 543.132.777 cổ phần.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập: 


Huỳnh Việt Thăng
Kế toán Trưởng

Người duyệt: 

Phạm Đình Toại
Quyền Giám đốc Tài chính


Seokhee Won
Tổng Giám đốc

